

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2023
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải.

Bà Lương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thúy V1**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số A Trần Văn C, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông **Võ Văn V2**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp Hòa B, xã An Vĩnh N, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà V1, ông V2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022 và các lời trình bày của bà Đỗ Thúy V1 có nội dung:

Năm 1985, bà V1 và ông Võ Văn V2 tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân các cấp. Bà và ông V2 chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ đó ông V2 đã bỏ nhà đi chung

sống với người phụ nữ khác như vợ chồng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V2.

Về con chung: bà và ông V2 có 03 con chung tên Võ Thị Mộng T sinh năm 1986, Võ Hoàng A sinh ngày 06/02/1988 và Võ Vũ L sinh ngày 04/3/1993. Do các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16/02/2023, bà có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, ông Võ Văn V2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Võ Văn V2 đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông V2 không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà V1. Phiên tòa hôm nay, ông V2 cũng vắng mặt dù đã được niêm yết, tổng đạt giấy báo họp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông V2 và bà V1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đỗ Thúy V1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn V2 có địa chỉ cư trú tại thành phố Tân An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Đỗ Thúy V1, Bị đơn là ông Võ Văn V2: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông V2 đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông V2 không chấp hành. Riêng bà V1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thúy V1 và ông Võ Văn V2 có tổ chức đám cưới năm 1985 nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân các cấp. Theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn” nên dù bà V1 và ông V2 không có đăng ký kết hôn nhưng đây vẫn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà V1 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông V2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà V1 yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà V1. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà V1 và ông V2 đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà V1 và ông V2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà V1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà V1 và ông V2 có 03 con chung Võ Thị Mộng T sinh năm 1986, Võ Hoàng A sinh ngày 06/02/1988 và Võ Vũ L sinh ngày 04/3/1993. Do các con chung đã trưởng thành và bà V1 không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng: bà V1 phải chịu chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000đ theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, bà V1 đã nộp xong.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thúy V1, cho bà Đỗ Thúy V1 ly hôn với ông Võ Văn V2.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đỗ Thúy V1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà V1 đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001963 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thành án phí dân sự sơ thẩm, bà V1 đã nộp xong.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh